

Số: 1551/ĐHDK-ĐT

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 20 tháng 1 năm 2023

V/v: Báo cáo thực hiện Quy chế
ba công khai năm học 2022 -2023

Kính gửi: Vụ Kế hoạch – Tài chính
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện quy chế ba công khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017, Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU) báo cáo các nội dung như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế năm học 2022-2023

- a) Cam kết chất lượng đào tạo: (biểu mẫu 17 đính kèm).
- b) Thông tin chất lượng đào tạo thực tế: (biểu mẫu 18 đính kèm).

2. Công khai thông tin cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường năm học 2022-2023

- a) Cơ sở vật chất: (biểu mẫu 19 đính kèm).
- b) Đội ngũ về giảng viên cơ hữu của Trường: (biểu mẫu 20 đính kèm).

3. Công khai tài chính của Trường năm học 2022-2023

Công khai tài chính (biểu mẫu 21 đính kèm).

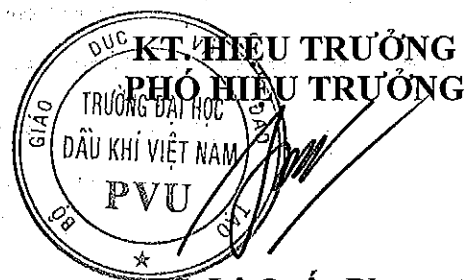
4. Địa điểm công khai

Công khai trên Website <http://www.pvu.edu.vn> và Bảng tin của Trường.
PVU kính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hiệu trưởng (e-copy): để b/c;
- TT.TTTV (công bố trên website);
- Lưu: VT, ĐT. *VS*



TS. Lê Quốc Phong

Biểu mẫu 17

THÔNG BÁO

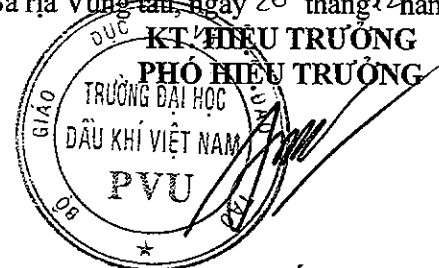
Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo				
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy		Liên thông chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Không tuyển sinh	Hàng năm tổ chức 02 kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ	Trường Đại học Dầu khí Việt Nam tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy theo một số phương thức sau: Dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT; Dựa trên kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQGHN và ĐHQGHCM; kỳ thi đánh giá tư duy của ĐHBKHN; xét tuyển Học bạ và tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Các công tác đăng ký, thi tuyển, ôn thi, xét tuyển và gọi nhập học tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT.		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>Về mục tiêu đào tạo: Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể đi làm ngay sau khi tốt nghiệp hoặc tiếp tục học lên cao hơn. Sau một khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm, người học có thể đạt được các mục tiêu đào tạo của chương trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có kiến thức chuyên sâu, có năng lực thiết kế, thi công, sản xuất, năng lực nghiên cứu, sáng tạo và các kiến thức quản lý sản xuất trong lĩnh vực chuyên ngành và quản lý trong các khâu hạ nguồn của ngành dầu khí Có khả năng phát triển thành các nhân sự chủ chốt trong lĩnh vực chuyên môn cho các doanh nghiệp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các Công ty Đa Quốc gia, trở thành các nhà khoa học cho các Viện nghiên cứu và các trường Đại học. Có bản lĩnh chính trị, đạo đức, học vấn, sức khỏe và các kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp dầu khí hiện đại của Việt Nam và hội nhập Quốc tế. Có thể tiếp tục tự học nâng cao trình độ để đáp ứng những thách thức của môi trường làm việc cạnh tranh, hiện đại và năng động <p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có khả năng nhận định và giải quyết các vấn đề kỹ thuật địa chất phức tạp bằng cách áp dụng các nguyên lý kỹ thuật, khoa học và toán học. 		

	<p>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được</p>			<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng áp dụng thiết kế kỹ thuật để đưa ra các giải pháp đáp ứng các nhu cầu cụ thể có cân nhắc đến các vấn đề như sức khỏe cộng đồng, an toàn và phúc lợi, cũng như các yếu tố toàn cầu, văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế. ▪ Có khả năng thiết kế và tiến hành thí nghiệm; khả năng phân tích và minh giải tài liệu/số liệu địa chất – địa vật lý, đánh giá các yếu tố kỹ thuật để đưa ra kết luận. ▪ Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và môi trường. ▪ Áp dụng khối kiến thức khoan và khai thác để thiết kế, phân tích và vận hành hệ thống khoan, hệ thống khai thác và hệ thống bơm ép hiệu quả và an toàn. ▪ Áp dụng khối kiến thức công nghệ mỏ vào thực tế trong việc quản lý, phát triển và tối ưu các nguồn tài nguyên. ▪ Sử dụng tài liệu và đánh giá thông tin địa chất và các nguồn tài nguyên và sử dụng các phương pháp kỹ thuật, khối kiến thức khoa học trái đất. ▪ Sử dụng phương pháp định lượng các dự án kinh tế và tài nguyên để thiết kế và đưa ra quyết định trong điều kiện rủi ro và không chắc chắn. ▪ Áp dụng thiết kế kỹ thuật để đưa ra lời giải cho bài toán gặp phải và có tính tới các yếu tố sức khỏe cộng đồng, an toàn, phúc lợi, cũng như tính chất toàn cầu, văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế. ▪ Có kiến thức cơ bản về chuyên dịch và an ninh năng lượng cũng như phát triển bền vững. ▪ Khả năng áp dụng thiết kế kỹ thuật để đưa ra các giải pháp đáp ứng các nhu cầu cụ thể có cân nhắc đến sức khỏe cộng đồng, an toàn và phúc lợi, cũng như các yếu tố toàn cầu, văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế. ▪ Có các kiến thức về các vấn đề phổ biến trong chế biến dầu khí và phương pháp giải quyết: lọc hóa dầu, chế biến khí, đo lường, trao đổi chất, trao đổi nhiệt, điều khiển quá trình, thiết kế thiết bị và nhà máy hóa học. <p>Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng khác nhau. ▪ Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, trong đó các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, cùng nhau thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đạt được các mục tiêu. ▪ Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, làm việc và nghiên cứu. Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương IELTS 5.5 <p>Về mức tự chủ, trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có ý thức, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp khi xử lý các tình huống kỹ thuật và đưa ra các đánh giá sáng suốt, trong đó có xem xét tác động của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh toàn cầu, kinh tế, môi trường và xã hội. 	
--	---	--	--	---	--

			Địa Vật lý Dầu khí; Kỹ thuật Dầu khí/Chuyên ngành Khoan-Khi thác Mô Dầu khí; Kỹ thuật Hóa dầu/Chuyên ngành Lọc-Hóa Dầu.	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Với các chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng, có chất lượng và đạt chuẩn ABET, sinh viên tốt nghiệp sẽ có trình độ chuyên môn cao, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh, kỹ năng trình bày, giải quyết vấn đề vượt trội (thể hiện ở tính sáng tạo và tư duy thực tế) và phương pháp làm việc theo nhóm. Nhờ đó, sinh viên PVU có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và có tính cạnh tranh của thị trường lao động không chỉ trong nước mà còn Quốc tế ngay sau khi tốt nghiệp. Sinh viên sẽ có cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp dựa trên CTĐT đại học đã đạt chuẩn ABET, đảm bảo tính liên thông cao và dễ dàng đáp ứng các yêu cầu đầu vào của các CTĐT của các trường đại học Quốc tế.
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			Sau khi tốt nghiệp, với kiến thức chuyên môn và kỹ năng được trang bị, đặc biệt là trình độ tiếng Anh (IELTS 5.5), SV có thể đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động thời kỳ hội nhập. Trong thực tế, 100% Kỹ sư của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, trong đó, khoảng 60% làm việc trong những lĩnh vực được đào tạo như: Các đơn vị trong ngành Dầu khí, các công ty hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại kỹ thuật ngành Dầu khí, các cơ sở giáo dục và đào tạo, các cơ quan quản lý nhà nước có chuyên môn liên quan. Với chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng ABET, sinh viên PVU tốt nghiệp có thể hội nhập với thị trường lao động Quốc tế.

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 20 tháng 12 năm 2023



TS. Lê Quốc Phong

Biểu mẫu 18

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2022-2023

A. Công khai về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại			
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	Vừa học vừa làm
	Tổng số				
1	Khối ngành I				
2	Khối ngành II				
3	Khối ngành III				
4	Khối ngành IV				
5	Khối ngành V		45	191	
6	Khối ngành VI				
7	Khối ngành VII				

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
1	Kỹ thuật địa chất	6	0	50%	33.30%	100%
2	Kỹ thuật hóa học	23	4.35%	30.40%	51.20%	100%
3	Kỹ thuật dầu khí	5	0	40%	60%	100%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: $((\text{SL SVTN có việc làm} + \text{SL SVTN đang học nâng cao}) / \text{tổng số SVTN được khảo sát}) * 100$

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
KHÓA 8					
1	Địa vật lý ứng dụng		4		TNKQ
2	Các phương pháp tìm kiếm thăm dò dầu khí		2		TNKQ
3	Đồ án chuyên ngành 2		1		BC, VD
4	Địa chất và Tài nguyên Việt Nam		3		TNKQ
5	Vật lý via (+Lab)		4		TNKQ
6	Địa hóa dầu khí		2		TNKQ

7	Địa chất khai thác		2	HK1	TNKQ	
8	Mô phỏng via		3		TNKQ	
9	Mô hình hóa mỏ tích hợp		3		TNKQ	
10	Kỹ thuật khai thác		3		TNKQ	
11	Đánh giá dự án dầu khí		3		TNKQ	
12	Thu hồi dầu tăng cường		2		TNKQ	
13	Năng lượng và bền vững		3		TNKQ	
14	Thu dọn mỏ		1		TNKQ	
15	Thiết kế nhà máy hóa học		3		TNKQ	
16	Công nghệ hóa dầu		4		TNKQ	
17	Sản phẩm dầu mỏ (+Lab)		3		TNKQ	
18	Mô phỏng và tối ưu hóa nhà máy lọc dầu		3		TNKQ	
19	Thí nghiệm chuyên ngành 2		1		TN	
20	Quá trình sản xuất dầu nhờn và nhiên liệu lỏng tổng hợp		2		TNKQ	
21	Các chuyên đề		2		BC, VĐ	
22	Công nghệ khai thác và xử lý khí		1		TNKQ	
23	Thực tập tốt nghiệp		2		HK2	TT,BC,VĐ
24	Đề án tốt nghiệp		8			TT,BC,VĐ
KHÓA 9						
1	Tiếng Anh 4		3 (4)		4 Kỹ năng	
2	Trần tích học		3		TNKQ	
3	Lý thuyết ma trận và đại số tuyến tính		2		TNKQ	
4	Nhập môn phương trình đạo hàm riêng		2		TNKQ	
5	Lý thuyết trường điện từ		2		TNKQ	

6	Địa chất dầu khí		3
7	Các phương pháp thăm dò Địa vật lý		3
8	Địa vật lý giếng khoan		4
9	Phương pháp số trong kỹ thuật dầu khí		3
10	Chất lưu vỉa dầu khí		3
11	Địa cơ học		3
12	Hệ thống khai thác dầu khí (+Lab)		4
13	Kỹ thuật khoan		3
14	Dung dịch khoan (+Lab)		2
15	Truyền khối		3
16	Công nghệ chế biến khí		3
17	Điều khiển quá trình (+Lab)		3
18	Hóa học Polyme (Tự chọn 1)		3
19	Hóa lý 1		3
20	TN Hóa lý		1
21	Kỹ thuật phản ứng		3
22	Hóa học dầu mỏ		2
23	Địa chấn dầu khí		4
24	Xử lý minh giải tài liệu địa chấn		4
25	Đồ án chuyên ngành 1		1
26	Cơ sở công nghệ mỏ		2
27	Kinh tế dầu khí		3

HK1

TNKQ
TNKQ
TNKQ
TNKQ
TNKQ
TNKQ
TNKQ, TN
TNKQ
TNKQ, TN
TNKQ
TNKQ
TNKQ, TN
TNKQ, TN
TNKQ
TN
TNKQ
TNKQ
TNKQ
BC, VB
TNKQ
TNKQ

28	An toàn lao động và bảo vệ môi trường		2	HK2	TNKQ
29	Địa chất mỏ dầu khí (Tự chọn 2)		2		TNKQ
30	Thực tập nghề nghiệp (Hè)		1		TT,BC,VĐ
31	Đánh giá thành hệ		3		TNKQ
32	Công nghệ mỏ (+Lab)		4		TNKQ
33	Thử via		3		TNKQ
34	Địa thống kê (Tự chọn 4)		2		TNKQ
35	Đồ án chuyên ngành 1		2		BC,VĐ
36	Thiết kế thiết bị phản ứng hóa học		3		TNKQ
37	Thiết kế các thành phần quá trình		3		TNKQ
38	Công nghệ lọc dầu		3		TNKQ
39	TN Kỹ thuật hóa học		1		TN
40	TN chuyên ngành 1		1		TN
KHÓA 10					
1	Tiếng Anh 2		3(4)		4 Kỹ năng
2	Giải tích 3		2		TNKQ
3	Hóa đại cương 2 (+Lab)		3		TNKQ, BT
4	Nhiệt động lực học		3		TNKQ
5	Phân tích mạch điện (+Lab)		2		TNKQ
6	Địa chất đại cương		3		TNKQ
7	Khoáng vật học (+Lab)		3		TNKQ

8	Kỹ năng nghề nghiệp		2	HK1	TNKQ, TT, NHÓM
9	Cơ sở Địa chất công trình & Địa chất thủy văn (Tự chọn 1)		2		TNKQ
10	GDTC 3		1*		TH
11	Cơ lý thuyết		3		TNKQ
12	Giới thiệu hệ thống khoan (+Lab)		4		TNKQ
13	Trần tích học (Tự chọn 1)		2		TNKQ
14	TN Hóa đại cương 2		1		TN
15	Cơ học chất lưu (+ Lab)		3		TNKQ
16	Hóa hữu cơ 1		3		TNKQ
17	TN Hóa hữu cơ 1		1		TN
18	Tiếng Anh 3		3 (4)		TN, TL, VB
19	Phương trình vi phân		3		TNKQ
20	Xác suất thống kê		2		TNKQ
21	Thạch học magma và biến chất (+Lab)		4		TNKQ
22	Địa chất cấu tạo (+Lab)		4	TNKQ	
23	Khoa học Dữ liệu Địa chất		3	TL	
24	Thực tập địa chất ngoài trời (hè)		2	TH, BC, VB	
25	Sức bền vật liệu (+Lab)		3	TNKQ	
26	Vật lý via (+Lab)		4	TNKQ	
27	Quá trình vận chuyển chất lưu trong khai thác dầu khí		3	TNKQ	
28	Điện-Điện tử (+Lab)		2	TNKQ	

29	Địa vật lý đại cương (Tự chọn 2)		2		TNKQ
30	Thực tập nghề nghiệp 1 (Hè)		1		TH,BC,VĐ
31	Những nguyên lý kỹ thuật hóa học		3		TNKQ
32	Truyền nhiệt		3		TNKQ
33	Nhiệt động cân bằng		3		TNKQ
34	Hóa phân tích		3		TNKQ
35	TN Hóa phân tích		1		TN
KHÓA 11					
1	Triết học Mác – Lênin		3	HK1	TNKQ
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2		TNKQ
3	Giải tích 1		3		TNKQ
4	Cơ sở kỹ thuật 1 (+Lab)		2		BT, TH
5	Hóa đại cương 1		3		TNKQ
6	TN Hóa đại cương		1		TN
7	Vật lý đại cương 1		2		TNKQ
8	TN Vật lý đại cương 1		1		TN
9	Nhập môn Dầu khí		2		TNKQ
10	GDTC 1		1*		TH
11	Tiếng Anh dự bị		120 tiết*		4KN
12	Tiếng Anh 1		3 (4)	HK2	Vấn đáp
13	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		TNKQ
14	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		TNKQ
15	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		TNKQ
16	Giải tích 2		3		TNKQ
17	Cơ sở kỹ thuật 2 (+Lab)		3		TNKQ
18	Vật lý đại cương 2		2		TNKQ

19	TN Vật lý đại cương 2		1		TN
20	GDTC 2		1*		TH
21	Kiến tập định hướng nghề nghiệp		1		KT,BC
22	Giáo dục Quốc phòng – An ninh		165 tiết		*

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở tổ chức biên soạn

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Ghi chú
1		Xác định các thông số vỉa chứa và liên kết giếng khoan tập BII, mỏ X, bể Cửu Long	Lâm Vũ Vân Anh	
2		Ứng dụng AI khoanh vùng cấu tạo triển vọng dầu khí diện tích X khu vực Bắc bể Sông Hồng	Nguyễn Anh Hào	
3		Ứng dụng ML trong xử lý và minh giải tài liệu địa vật lý giếng khoan	Văn Công Minh Khoa	

4	Mình giải tài liệu địa chấn 3D lô X, bể Nam Côn Sơn nhằm tìm cấu tạo tiềm năng.	Nguyễn Thảo Nhi	
5	Mình giải tài liệu ĐVLGK đan dày và xác định khoảng bán mở vỉa cho giếng khoan B, mỏ A	Trần Thị Nhung	
6	Tính toán trữ lượng đầu khí tại chỗ vỉa X, mỏ Y, bể Nam Côn Sơn	Đàm Đức Toàn	
7	Xây dựng mô hình địa chất và tính toán trữ lượng khí tại chỗ vỉa X, mỏ Y, Bể Nam Côn Sơn	Ngô Minh Trương	
8	Đánh giá hiệu quả bơm ép polymer - nước luân phiên để gia tăng hệ số thu hồi dầu trong tầng Miocene hạ, mỏ Bạch Hổ.	Võ Thành Luân	
9	Xác định hệ số dẫn nhiệt của đất đá phục vụ cho khai thác năng lượng địa nhiệt tại	Võ Tấn Thạnh	

10		Xây dựng mô hình thủy động và dự báo khai thác mỏ X	Lương Ngọc Cường	
11		Hiệu chỉnh độ thấm và mức độ nhiễm bẩn nhằm đánh giá lượng khí tại chỗ áp dụng cho Via đa tầng	Đường Tú Quyên	
12		Tối ưu hóa các thông số bình tách ở giàn X để tối đa lượng condensate	Lê Huỳnh Công Hữu	
13		Thiết kế tối ưu cho nhóm giếng gaslift mỏ Bạch Hồ bằng phần mềm PIPESIM	Nguyễn Tấn Nghĩa	
14		Thiết kế tối ưu mạng lưới giếng mỏ X để tăng sản lượng khai thác	Rơ Ông Ha Xương	
15		Nghiên cứu phương pháp xử lý lắng đọng muối trong ống khai thác giếng X, mỏ Y	Nguyễn Trần Đăng Thi	

16	Đánh giá các phương pháp bơm ép khí - nước luân phiên cho tầng Miocen dưới mỏ X, Bể Cửu Long	Nguyễn Trần Anh Tú	
17	Ứng dụng phương pháp bơm ép khí nước luân phiên trên mô hình giả định để nâng cao hệ số thu hồi dầu cho mỏ X	Hà Minh Đức	
18	Đánh giá khả năng kéo dài thời gian sử dụng chất hấp phụ AW-500 của nhà máy xử lý khí Việt Nam.	Lê Ngọc Đức Anh	
19	Thiết kế hệ thống thu hồi hơi tại các trạm xăng bằng phương pháp màng	Nguyễn Xuân Cường	
20	Đánh giá giải pháp thay thế công nghệ sản xuất Amoniac từ hydro xanh bằng phương pháp điện phân tại nhà máy Đạm Phú Mỹ	Huỳnh Trương Tường Duy	

21		Nghiên cứu điều kiện khử Graphene Oxit bằng Hydrazine Hydrate và ứng dụng sản phẩm khử làm phụ gia cho sơn.	Trương Tuấn Hải	
22		Đánh giá tính khả thi của việc sản xuất nhiên liệu máy bay bền vững (SAF) từ nguồn nguyên liệu tái tạo bằng quy trình UOP Ecofining	Bùi Văn Hoàng	
23		Đánh giá công nghệ sản xuất hydro xanh ngọc	Nguyễn Huy Hoàng	
24		Nâng cấp nhà máy chế biến condensate Phú Mỹ để sản xuất xăng đạt tiêu chuẩn Euro 5	Nguyễn Đức Hùng	
25		Mô phỏng động hệ thống nồi hơi phụ trợ tại nhà máy Đạm Cà Mau.	Lư Hoàng Kha	

26	Đại học	Nghiên cứu giải pháp sử dụng thiết bị tách Preflash Drum nhằm nâng cao hiệu quả chung cất dầu thô tại nhà máy lọc dầu Dung Quất	Ngô Châu Vĩ Khang	
27		Thiết kế kho lạnh từ nguồn nhiệt lạnh của kho LNG Miền Bắc	Bùi Trường Khang	
28		Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển hóa CO ₂ thành CH ₄ bằng automethanation	Nguyễn Văn Linh	
29		Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa in vitro của cao chiết xuất hoa hòe bằng 2,2-diphenyl-1-picrylhydrazyl	Phan Thanh Linh	
30		Lựa chọn và tính toán quá trình chuyển hóa rác thải nhựa thành nhiên liệu lỏng bằng công nghệ nhiệt phân.	Lê Văn Long	

31		<p>Khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ phụ gia ZSM-5 đến sản lượng propylene tại phân xưởng cracking xúc tác của nhà máy lọc dầu Dung Quất bằng phương pháp mô phỏng.</p>	<p>Nguyễn Hồng Phúc</p>	
32		<p>Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng biochar từ bã cà phê</p>	<p>Nguyễn Duy Tân</p>	
33		<p>Nghiên cứu và chế tạo vật liệu kỵ nước với hạt oxit sắt từ, định hướng xử lý nước nhiễm dầu</p>	<p>Võ Văn Vũ Thanh</p>	
34		<p>Đánh giá giải pháp thay thế nguồn nguyên liệu naphtha bằng ethane cho cụm steam cracker tại nhà máy hóa dầu Long Sơn</p>	<p>Lê Hữu Thiện</p>	
35		<p>Nghiên cứu và chế tạo vật liệu kỵ nước với hạt micro ZnO nhằm định hướng xử lý nước nhiễm dầu.</p>	<p>Huỳnh Văn Thìn</p>	

36	Chế tạo bề mặt thép cacbon kỵ nước bằng cách sử dụng sơn Epoxy có chứa Graphene khử	Phạm Văn Thìn	
37	Nghiên cứu và chế tạo bề mặt xốp kỵ nước với graphene khử nhằm định hướng xử lý nước nhiễm dầu	Phan Trung Tiến	
38	Nghiên cứu và chế tạo bề mặt miếng xốp kỵ nước với hạt composit ZnO để định hướng xử lý nước nhiễm dầu	Nguyễn Chí Toàn	
39	Đánh giá và đề xuất sản phẩm hóa dầu tiềm năng cho dự án lọc-hóa dầu ở Việt Nam.	Phạm Xuân Trường	
40	Xây dựng thiết bị và quy trình đánh giá khả năng hấp phụ và độ bền hoạt động của chất hấp phụ AW-500 ở quy mô phòng thí nghiệm	Nguyễn Cẩm Tú	

41		Lựa chọn và tính toán quy trình chuyển hóa rác thải nhựa thành syngas bằng công nghệ khí hóa	Nguyễn Minh Tuấn	
42		Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa in vitro của cao chiết xuất hoa hòe bằng 2,2'-azino-bis(3-ethylbenzothiazoline-6-sulfonic acid)	Trần Lê Công Vinh	
43		Thiết lập môi trường quan giữa điều kiện phòng thí nghiệm và điều kiện vận hành tại nhà máy khí Việt Nam nhằm tăng thời	Nguyễn Minh Hiếu	
44		Đánh giá giải pháp thay thế công nghệ sản xuất Amoniac từ hydro xanh bằng phương pháp điện phân tại nhà máy Đạm Cà mau	Nguyễn Mạnh Hoàng	
45		Nghiên cứu sản xuất methanol từ nguyên liệu khí syngas thu được từ quá trình reforming biogas	Trần Thị Thanh Huyền	

46	Nghiên cứu chế tạo vật liệu kỵ nước trên nền composite Fe ₃ O ₄ để định hướng xử lý nước nhiễm dầu	Đỗ Xuân Quốc	
47	Nghiên cứu điều kiện khử Graphene Oxit bằng Sodium Borohydride và ứng dụng sản phẩm khử làm phụ gia cho sơn.	Trần Phú Thịnh	
48	Cải tiến xúc tác/phụ gia FCC cho quá trình Sản xuất Olefin nhẹ từ quá trình cracking trực tiếp dầu thô	Hoàng Ngọc Tùng	
49	Tổng hợp xúc tác chuyển hóa CO ₂ thành methane sử dụng H ₂ xanh ở nhiệt độ thấp hơn 300 oC	Trần Văn Trà	
50	Thiết kế hệ dung dịch acid xử lý vùng cận đáy giếng X, mỏ Y	Lâm Quang Quỳnh	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Kết quả đào tạo
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	03 lớp (2022) 02 lớp (2023)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
2	Tổng Công ty Khí Việt Nam	24 lớp (2022) 05 lớp (2023)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học

3	Liên doanh dầu khí Việt Nga Vietsovpetro	17 lớp (2022) 16 lớp (2023)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
4	Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	11 lớp (2022) 22 lớp (2023)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
5	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam	20 lớp (2022) 23 lớp (2023)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
6	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	01 lớp (2022) 01 lớp (2023)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
7	Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	01 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
8	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	05 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
9	Chi nhánh PP SP Lọc hoá dầu Nghị Sơn (PVNDB)	02 lớp (2022) 03 lớp (2023)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
10	Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	01 lớp (2022) 6 lớp (2023)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
11	Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	02 lớp (2022) 01 lớp (2023)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
12	Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	03 lớp (quý IV/2021) 03 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức
1	Hội thảo “Waste management challenges and strategies for decommissioned offshore structures in ASEAN” (online)	12/5/2022	Online

2	Seminar on “Challenges and Opportunities in Offshore Decommissioning in South East Asia and Beyond”	28/11/2022	Thái Lan
3	Tổ chức Hội nghị khoa học quốc tế vùng châu Á về cơ học đá “cơ học đá và công trình – các vấn đề đương đại” – ARMS 12th	22-26/11/2022	Hà Nội
4	Hội thảo "Nghiên cứu xây dựng hệ thống trí tuệ nhân tạo tích hợp dữ liệu địa chất dầu khí đánh giá triển vọng dầu khí"	10/2/2023	PVU
5	Tổ chức Hội thảo Quốc tế về cảm biến từ, kiểm tra không phá hủy và internet vạn vật: các kết quả và triển vọng trong tương lai (Workshop on combination of magnetic sensors, non-destructive testing and Internet of things: achievement and further progress),	24-25/08/2023	PVU + Online

6	Hội nghị Quốc tế Kỹ thuật Hóa học, Kỹ thuật thực phẩm và sinh học lần thứ 6 (ICCFB 2023) và Hội nghị khoa học thường niên của khu vực Châu Á về Công nghệ hóa học lần thứ 27 (RSCE 2023) do Trường Đại học Bách Khoa (ĐHQG TP HCM) và Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU) đồng tổ chức	29/9/2023	TP. Hồ Chí Minh
7	Hội thảo Quốc tế “Challenges and Opportunities in Offshore Decommissioning in South East Asia and Beyond”	21/11/2023	TP. Hồ Chí Minh

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Nghiên cứu và đề xuất hệ dung dịch axit sét mới (GKR+) trong công tác xử lý vùng cận đáy giếng cho giếng vỉa cát kết X, mỏ Bạch Hổ	ThS. Lương Hải Linh	Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế (NIPI); Xí nghiệp khai thác dầu khí, LD Việt-Nga Vietsovetro	49,813,640	
2	Mô hình hóa tốc độ cơ học khoan (ROP) trên cơ sở dữ liệu khoan thực của mỏ X, và ứng dụng của mô hình	ThS. Nguyễn Hữu Trườn	Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế (NIPI)	50,000,000	

3	Phát triển hệ hợp kim Mg-5Al-8Sn-xSr-yCa (x=0 và 1 wt.%; y=0; 0.5; và 1.0 wt.%) có khả năng chống ăn mòn cao bằng phương pháp đúc áp lực	TS. Nguyễn Phan Anh	Đại học SPKT TPHCM, Đại học Yeungnam	125,000,000	
4	Tổng quan tiềm năng và đánh giá các tiền đề địa chất phục vụ công tác nghiên cứu, tìm kiếm tài nguyên địa nhiệt.	TS. Phạm Bảo Ngọc	Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế (NIP), Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Nam; Viện Địa chất và Địa vật lý biển	49,471,675	
5	Nghiên cứu tổng hợp và thử nghiệm hoạt tính sinh học các dẫn xuất amide từ các amino acid tự nhiên	TS. Lê Thanh Thanh	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM	74,946,250	
6	Vai trò của tính ẩn danh đối với dạng ý kiến nhận xét chéo trực tuyến về bài tập Nói tiếng Anh của sinh viên trình độ sơ trung cấp tại Đại học Dầu khí Việt Nam	ThS. Phùng Thanh Loan		49,892,568	
7	Ứng dụng mạng nơ ron nhân tạo-ANN và phần mềm ANSYS để thiết kế tối ưu cơ cấu trục quay trượt không gian với khớp nối hình cầu	TS. Vũ Minh Hùng	Đại học SPKT Hưng Yên, Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM, Đại học Nguyễn Tất Thành	74,940,000	

8	Phát triển mô hình địa cơ dọc theo thành giếng nhằm đánh giá khả năng sinh cát của các giếng dầu khí tại bồn trũng Cửu Long, Việt Nam	TS. Đỗ Quang Khánh	Liên doanh Dầu khí Việt - Nga Vietsovetro; Công ty Dầu khí Việt - Nhật (JVPC); Công ty Liên doanh Dầu khí Cửu Long JOC (CLJOC); Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	50,989,031	
9	Nghiên cứu tổng hợp các dẫn xuất amide mới của coumarin	TS. Đàm Thị Thanh Hải	Trường Đại học Sư phạm TPHCM (HCMUE)	49,979,000	
10	Ứng dụng thuật toán di truyền để tối ưu hóa lượng khí gaslift phân bố cho cụm giếng tại vỉa X, Việt Nam	ThS. Phạm Hữu Tài	PTSC-PPS, LSP	50,000,000	
11	Dự báo vị trí có khả năng tồn tại vỉa trong các giếng khoan - khu vực X, Bắc bể Sông Hồng	TS. Đỗ Thị Thùy Linh		49,980,000	
12	Nghiên cứu việc quản lý chất thải phóng xạ có nguồn gốc tự nhiên (NORM) trong ngành dầu khí Việt Nam	TS. Lê Thị Huyền		49,861,400	

13	Nghiên cứu chế tạo hạt micro-nano ZnO kỵ nước	TS. Nguyễn Thị Phương Nhung	Trường Cao đẳng Dầu khí, Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	50,000,000	
14	Nghiên cứu công nghệ phát hiện khuyết tật bằng phương pháp MFL trong trạng thái từ dư dựa trên đặc tính độ nhạy cao của cảm biến Hall phẳng	PGS.TS. Phạm Hồng Quang	Đại học Montpplier, Viện Khoa học Vật liệu	149,216,000	
15	Nghiên cứu chế tạo dây nanofilament trên đế thép cacbon CT3 có phủ lớp ZnO để bề mặt thép trở thành siêu kỵ nước và kỵ dầu	ThS. Nguyễn Văn Kiệt	Trường Cao đẳng Dầu khí,	50,000,000	
16	Nghiên cứu công nghệ chẩn từ với mục đích chuyển dịch dải đo của cảm biến độ nhạy cao trong phép đo suy giảm độ dày thành ống bằng phương pháp mật độ đường sức từ	ThS. Nguyễn Tô Nga	ĐH Montpplier; e-V Tech	150,000,000	
17	Nghiên cứu, so sánh các luật, quy định và tiêu chuẩn cho chuỗi giá trị hydro trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam	TS. Lê Thị Huyền		74,709,200	
18	Đánh giá ảnh hưởng của số đọc trên máy đo độ nhớt tới tính toán thủy lực trong cột cần khoan.	TS. Bùi Thanh Bình		150,000,000	

19	Ứng dụng học máy trong dự đoán đường cong sonic (sóng P) cho giếng X dựa trên số liệu từ các giếng lân cận tại mỏ Y.	Đông Nhật Thiên - K7 KKT		9,440,000	
20	Nghiên cứu đặc điểm môi trường trầm tích Miocen giữa, cấu tạo S, Lô 05-1, bể Nam Côn Sơn trên cơ sở tài liệu địa chất, địa vật lý	Ngô Minh Trường - K8 ĐC ĐVL		11,440,000	
21	Nghiên cứu các phương pháp xử lý vùng cận đáy giếng và đánh giá hệ dung dịch axit sét đang sử dụng nhằm gia tăng lưu lượng khai thác dầu cho các giếng vỉa cát kết mỏ Bạch Hổ	Đường Tú Quyên - K8 KKT		8,970,000	
22	Nghiên cứu và chế tạo lớp phủ micro / nano ZnO lên trên bề mặt thép	Lư Hoàng Kha - K8 LHD		11,440,000	
23	Nghiên cứu ảnh hưởng hoá học bề mặt lên tính kỵ nước của bề mặt thép bằng phương pháp phủ và biến đổi hoá học bề mặt	Phạm Đình Hải - K9 LHD		11,440,000	
24	Nghiên cứu các loại nhà máy năng lượng địa nhiệt và ứng dụng tại Việt Nam	Trương Ngọc Anh - K9 KKT		8,955,000	

25	Ứng dụng phần mềm MATLAB để nghiên cứu đặc tính động lực học và điều khiển cho hệ 2 bồn chứa thông nhau	Võ Dương Việt Nhân - K9LHD		8,751,000	
26	Lựa chọn lưu lượng bơm, tải trọng lên choòng, tốc độ vòng quay của phương pháp khoan xoay bằng phương pháp năng lượng riêng (MSE) khi khoan thân giếng đường kính 8-1/2" giếng X, mỏ Bạch Hổ.	Nguyễn Hữu Lộc - K9KKT		9,940,000	
27	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của nồng độ phụ gia ZSM-5 đến sản lượng sản phẩm propylne tại phân xưởng "Tinh chế dầu cặn" nhà máy lọc dầu Dung Quốc bằng phương pháp mô phỏng	Nguyễn Hồng Phúc - K8LHD		9,440,000	
28	Phân tích, đánh giá và lựa chọn công nghệ hóa xử lý rác thải nhựa tại Việt Nam	Nguyễn Minh Tuấn - K8LHD		9,440,000	
29	Phân tích, đánh giá và lựa chọn công nghệ nhiệt phân rác thải nhựa	Lê Văn Long - K8LHD		9,440,000	
30	Tổng hợp các dẫn xuất amide từ của diaryl ether	Trần Tuấn Anh - K9LHD		11,500,000	
31	Mô phỏng dòng chảy của pha dầu trong vi khe nứt ở tầng móng mỏ Bạch Hổ	Hồ Phước Thịnh - K9PE		9,940,000	

32	Nghiên cứu môi trường lắng đọng trầm tích hệ tầng Trà Cú mở BH theo tài liệu địa vật lý giếng khoan	Nguyễn Thị Trúc Mai K9GE		9,940,000	
33	Viết chương trình tính toán sự suy giảm lưu lượng khai thác ở các giếng khai thác trong các mỏ phi truyền thống	Huỳnh Thanh Thuận K9PE		9,440,000	
34	Nghiên cứu và chế tạo vật liệu xốp polyurethan kỵ nước trên nền hạt ZnO	Huỳnh Đức Tiến K10CE		11,400,000	
35	Nghiên cứu và chế tạo miếng xốp kỵ nước có chứa Graphene và HDPE.	Đặng Quốc Việt/ Vương Hữu Thắng		11,384,000	
36	Nghiên cứu quá trình xử lý pin năng lượng mặt trời sau khi đã sử dụng	Lâm Vũ Vân Anh K8ĐC-DVL		9,440,000	
37	Chế tạo vật liệu xốp kỵ nước trên nền oxit sắt từ	Võ Văn Vũ Thanh K8LHD/ Nguyễn Thị Phương K9CE		11440000	
38	Chế tạo vật liệu sơn epoxy có chứa graphene khử để giảm thiểu ăn mòn thép	Bùi Tín Nghĩa - K10CE		11,430,000	
39	Nghiên cứu mô phỏng và thực nghiệm khả năng tạo tín hiệu rò rỉ đường sức từ bởi khuyết tật trong trạng thái từ dư của các vật liệu thép dùng trong công nghiệp dầu khí	Phạm Trung Kỳ - K10		9,980,000	

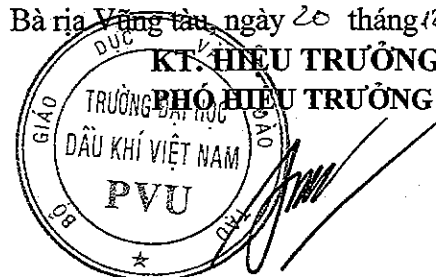
40	Mô phỏng cơ chế chắn từ của vỏ chắn từ đa lớp làm bằng vật liệu từ thâm cao mục đích chuyên dịch dải đo của cảm từ tính	Vũ Thị Hòa - K10		9,350,000	
41	Nghiên cứu quy trình chế tạo màng thu hồi hơi xăng khổ lớn và phương pháp đóng gói màng dạng Spiral Wound	Lê Thị Bích Thảo - K10CE		9,000,000	
42	Nghiên cứu, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp bản quyền công nghệ nhiệt phân thông thường để chuyển hoá rác thải nhựa thành nhiên liệu hóa dầu	Vương Hữu Thắng - K10CE		11,440,000	
43	Nghiên cứu, đánh giá và phân loại rác thải nhựa phù hợp với công nghệ tái chế.	Phạm Chí Vinh - K10CE		10,940,000	

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận		Ghi chú
					Ngày cấp	Giá trị đến	
1	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	2019	Cao	6.4.2020	6.4.2020	6.4.2025	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các Trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam

2	03 Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Hóa học Kỹ thuật Dầu khí Kỹ thuật Địa chất	2021	Đạt với thời hạn cao nhất đến 6 năm	30.8.2022	30.8.2022	30.8 2028	Đạt chuẩn Kiểm định chất lượng ABET, Hoa Kỳ
---	---	------	--	-----------	-----------	--------------	---

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 20 tháng 12 năm 2023



TS. Lê Quốc Phong

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học năm 2022-2023

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở quản lý sử dụng Trong đó:				
	Trụ sở chính	4,806		4,806	
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:				
	Trụ sở chính	3,650		3,650	

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng,

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
I	Phòng thí nghiệm							
1	Phòng thí nghiệm Cơ ứng dụng	1	Thực hành các bài TN Cơ học ứng dụng	GV, NCS, CH và SV	68		68	

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng			
			Sở hữu	Liên kết	Thuê	
2	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật nhiệt & Cơ học chất lưu	1	Thực hành các bài TN Kỹ thuật nhiệt & Cơ học chất lỏng	GV, NCS, CH và SV	95	95
3	Phòng thí nghiệm Phân tích tiên tiến	1	Thực hành các bài TN chống ăn mòn	GV, NCS, CH và SV	55	55
4	Phòng thí nghiệm Điện – Điện tử	1	Thực hành các bài TN Điện – Điện tử	GV, NCS, CH và SV	55	55
5	Phòng thí nghiệm Hóa đại cương	1	Thực hành các bài TN Hóa học đại cương	GV, NCS, CH và SV	140	140
6	Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương	1	Thực hành các bài TN Vật lý đại cương	GV, NCS, CH và SV	110	110
7	Phòng thí nghiệm Công nghệ mỏ	1	Thực hành các bài TN Công nghệ mỏ	GV, NCS, CH và SV	63	63
8	Phòng thí nghiệm Công nghệ khoan	1	Thực hành các bài TN Công nghệ khoan	GV, NCS, CH và SV	110	110
9	Phòng thí nghiệm Trưng bày thiết bị công nghệ khoan và thạch học	1	Trưng bày thiết bị công nghệ khoan và thạch học	GV, NCS, CH và SV	110	110
10	Phòng Gia công và chuẩn bị mẫu	1	Thực hành gia công và chuẩn bị mẫu	GV, NCS, CH và SV	55	55

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng				
			Sở hữu	Liên kết	Thuê		
19	Phòng thí nghiệm Hóa lý	1	Thực hành các bài TN Hóa lý	GV, NCS, CH và SV	95		95
20	Phòng thí nghiệm Công nghệ chế biến khí	1	Thực hành các bài TN Công nghệ chế biến khí	GV, NCS, CH và SV	68		68
21	Phòng thí nghiệm Nhiên liệu sinh học và năng lượng tái tạo	1	Thực hành các bài TN Nhiên liệu sinh học và năng lượng tái tạo	GV, NCS, CH và SV	55		55
22	Phòng thí nghiệm Công nghệ khai thác	1	Thực hành các bài TN Công nghệ khai thác	GV, NCS, CH và SV	63		63
II	Hội trường	1	Tổ chức hội thảo, chuyên đề, giảng dạy	GV, NCS, CH và SV	180		180
III	Phòng học						
24	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	1	Giảng dạy	GV, NCS, CH và SV	140		140
25	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	4	Giảng dạy	GV, NCS, CH và SV	350		350
26	Phòng học dưới 50 chỗ	11	Giảng dạy	GV, NCS, CH và SV	605		605
27	Phòng học đa phương tiện	5	Giảng dạy	GV, NCS, CH và SV	460		460
IV	Thư viện	1	Tìm kiếm thông tin, sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	GV, NCS, CH và SV	165		165

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng			
			Sở hữu	Liên kết	Thuê	
11	Phòng thí nghiệm Khoáng - Thạch học	1	Thực hành các bài TN Khoáng - Thạch học	GV, NCS, CH và SV	78	78
12	Phòng thí nghiệm Phân tích địa hóa	1	Thực hành các bài TN Phân tích địa hóa	GV, NCS, CH và SV	68	68
13	Phòng thí nghiệm Minh giải địa chấn	1	Thực hành các bài TN Địa vật lý	GV, NCS, CH và SV	112	112
14	Phòng thí nghiệm Quá trình thiết bị & Công nghệ hóa học	1	Thực hành các bài TN Quá trình thiết bị & Công nghệ hóa học	GV, NCS, CH và SV	102	102
15	Phòng thí nghiệm Lọc - Hóa dầu	1	Thực hành các bài TN Lọc - Hóa dầu	GV, NCS, CH và SV	60	60
16	Phòng thí nghiệm Phân tích dầu mỏ	2	Thực hành các bài TN Phân tích dầu mỏ	GV, NCS, CH và SV	60	60
17	Phòng thí nghiệm Hóa phân tích	1	Thực hành các bài TN Hóa phân tích và hóa vô cơ	GV, NCS, CH và SV	68	68
18	Phòng thí nghiệm Hóa hữu cơ	1	Thực hành các bài TN Hóa hữu cơ	GV, NCS, CH và SV	60	60

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê

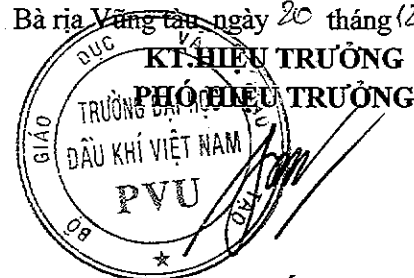
C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	3
2	Số chỗ ngồi đọc	73
3	Số máy tính của thư viện	13
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	4381
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	6

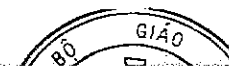
D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	25.2
2	Diện tích sàn/sinh viên	19.1

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 20 tháng 12 năm 2023



TS. Lê Quốc Phong



THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh					Trình độ đào tạo				Hàng chức danh nghề		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	dạng	Cao	Trình độ	khác			
I	Giảng viên cơ hữu theo ngành													
a	Khởi ngành I													
	Ngành.....													
b	Khởi ngành II													
	Ngành.....													
c	Khởi ngành III													
	Ngành.....													
d	Khởi ngành IV													
	Ngành.....													
d	Khởi ngành V	52	0	5	30	18	4	0	0					
	Ngành.....													
e	Khởi ngành VI													
	Ngành.....													
g	Khởi ngành VII													
	Ngành.....													
2	Giảng viên cơ hữu môn chung													
	Ngành.....													

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy			
	Khối ngành I								
1								
	Khối ngành II								
2								
	Khối ngành III								
3									
	Khối ngành IV								
4									
5	Khối ngành V								
1	Doãn Ngọc San	18/8/1962	Nam	GVC	TS	Kỹ Thuật Địa chất			
2	Đỗ Thị Thùy Linh	1/10/1982	Nữ	GV	TS				
3	Nguyễn Diệu Nương	23/12/1973	Nữ	GV	TS				
4	Phạm Huy Giao	1958	Nam	PGS	TS				
5	Trần Thị Oanh	7/11/1988	Nữ	Trợ giảng	ThS				
6	Nguyễn Thị Hải Hà	11/10/1989	Nữ	Trợ giảng	ThS				
7	Nguyễn Thanh Tùng	22/1/1971	Nam	GV	TS				
8	Phạm Bảo Ngọc	1/10/1984	Nữ	GV	TS				
9	Lê Phước Hào	1/12/1955	Nam	PGS	TS	Kỹ thuật Dầu khí			
10	Bùi Thanh Bình	28/8/1985	Nam	GV	TS				
11	Phạm Quang Khánh	17/9/1964	Nam	GV	TS				
12	Nguyễn Thế Tuấn Linh	16/9/1985	Nam	GV	TS				
13	Bùi Tử An	16/11/1977	Nam	GV	ThS				
14	Phạm Hữu Tài	18/11/1983	Nam	Trợ giảng	ThS				
15	Lương Hải Linh	22/8/1988	Nữ	Trợ giảng	ThS				
16	Nguyễn Hữu Trường	22/6/1977	Nam	Trợ giảng	TS				
17	Lê Thị Huyền	23/12/1983	Nữ	GV	TS				

18	Vũ Thế Quang	30/5/1988	Nam	Trợ giảng	ThS	Kỹ thuật Hóa học	
19	Phan Minh Quốc Bình	22/6/1975	Nam	GV	TS		
20	Mai Thị Quỳnh Châu	28/10/1978	Nam	GV	TS		
21	Trương Thanh Tuấn	4/6/1987	Nam	GV	TS		
22	Lê Thanh Thanh	21/8/1983	Nữ	GV	TS		
23	Nguyễn Thị Minh Hiền	8/11/1949	Nữ	PGS	TS		
24	Đàm Thị Thanh Hải	3/11/1983	Nữ	Trợ giảng	TS		
25	Nguyễn Thị Phương Nhung	20/10/1983	Nữ	GV	TS		
26	Dương Chí Trung	11/12/1983	Nam	GV	TS		
27	Lê Thị Mỹ Linh	5/1/1986	Nữ	Trợ giảng	TS		
28	Nguyễn Văn Kiệt	20/6/1983	Nam	Cán bộ HDTN	ThS		
29	Nguyễn Trung Khương	9/8/1979	Nam	GV	TS		
30	Phạm Châu Quỳnh	17/6/1988	Nữ	Trợ giảng	ThS		
31	Ngô Châu Vi Khang	14/7/2001	Nam	Cán bộ HDTN	ĐH		
32	Lê Văn Sỹ	15/7/1979	Nam	PGS	TS		Môn chung
33	Phạm Hồng Quang	27/11/1958	Nam	PGS	TS		Môn chung
34	Lê Quốc Phong	2/12/1967	Nam	GV	TS		Môn chung
35	Trần Hữu Nam	31/8/1973	Nam	GV	TS		Môn chung

36	Vũ Minh Hùng	11/4/1981	Nam	GV	TS	Môn chung
37	Trịnh Quang Trung	10/2/1983	Nam	GV	TS	Môn chung
38	Võ Quốc Thắng	1/5/1985	Nam	GV	TS	Môn chung
39	Đào Đức Cường	30/3/1984	Nam	GV	ThS	Môn chung
40	Nguyễn Thu Hồng	10/8/1981	Nữ	GV	ThS	Môn chung
41	Ngô Thu Kiều	8/7/1977	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
42	Nguyễn Phan Anh	30/11/1984	Nam	Trợ giảng	TS	Môn chung
43	Nguyễn Tô Nga	23/10/1985	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
44	Nguyễn Thị Thanh Hà	18/1/1984	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
45	Nguyễn Hoàng Ngọc Tú	28/1/1989	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
46	Phùng Thanh Loan	5/8/1988	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
47	Nguyễn Thị Hà Phương	25/12/1986	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
48	Nguyễn Thị Thanh Hường	02/7/1989	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
49	Nguyễn Thị Thu Vân	22/01/1995	Nữ	Trợ giảng	ĐH	Môn chung
50	Trần Ngọc Cung	6/2/1988	Nam	Trợ giảng	ĐH	Môn chung
51	Lê Quốc Huy	31/10/1985	Nam	Trợ giảng	ĐH	Môn chung
52	Trần Ngọc Hiệp	10/02/1983	Nam	Trợ giảng	ThS	Môn chung

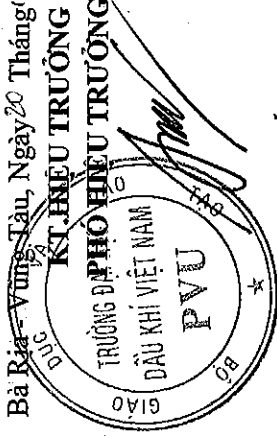
II Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II								
3	Khối ngành III								
4	Khối ngành IV								
5	Khối ngành V								
6	Khối ngành VI								
7	Khối ngành VII								
		4.2							

Bà Rịa - Vũng Tàu, Ngày 20 Tháng 1 Năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Quốc Phong

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Biểu mẫu 21

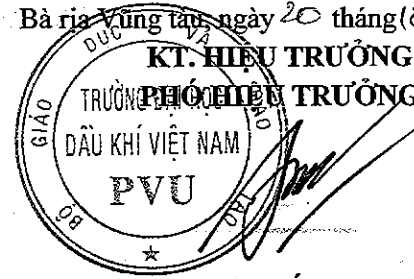
THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm học	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm	30.000.000VNĐ (1.000.000VNĐ/tín chỉ x 30 tín chỉ)	60.000.000VNĐ
	Khối ngành V	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm	15.000.000VNĐ-19.000.000VNĐ	60.000.000VNĐ-76.000.000VNĐ
	Khối ngành V	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm	72.000.000-79.000.000VNĐ tại Việt Nam 9.660 - 10.278USD tại Mỹ	
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		

III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		53,220.00
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		31,273
2	Từ học phí	Tỷ đồng		4,031
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		728
4	Từ các nguồn thu nhập khác	Tỷ đồng		17,188

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 1 năm 2023



TS. Lê Quốc Phong